

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ HN;**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/07/2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Dung

2. Bà Tạ Thị Thà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2023/TLST–HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1970.

HKTT và chỗ ở: Tổ 28 phường ĐC, quận HM, HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1968.

HKTT và chỗ ở: Tổ 28 phường ĐC, quận HM, HN.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Huy T kết hôn tự nguyện, có đăng lý kết hôn ngày 21/11/2003 tại UBND xã VQ, huyện TT, thành phố HN. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại địa chỉ: Tổ 28 phường ĐC, quận HM, HN. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh T thường xuyên gây sự cãi nhau, đánh đập chị. Chị đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận HM để giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Nay chị không xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân quận HM giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

+ *Về con chung*: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Huy T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 và cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Sau khi ly hôn, chị Ngà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008, anh Toàn nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nhà đất chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về các khoản nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Trịnh Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Huy T trình bày:

+ Về tình cảm: Anh Nguyễn Huy T và chị Trịnh Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng lý kết hôn ngày 21/11/2003 tại UBND xã VQ, huyện TT, thành phố HN. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại địa chỉ: Tổ 28 phường ĐC, quận HM, HN. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Trước đây, chị N đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận HM để giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị N đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh Nguyễn Huy T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án nhân dân quận HM tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 và cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Nếu trong trường hợp chị Ngà nhất quyết xin ly hôn thì anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006, chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản, nhà ở và đất ở: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh T xác định không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí ly hôn anh đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

Chị N trình bày, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Chị N đã không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 và cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Sau khi ly hôn chị Trịnh Thị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Chị N tự nuôi cháu Nguyễn Nguyệt A, anh T tự nuôi cháu Nguyễn Huy Toàn T1 và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản nợ chung khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N. Chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 07/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 07/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nuôi cháu Nguyệt A, anh Toàn tự nuôi cháu Toàn T1 và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Huy T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Tự thỏa thuận nên không giải quyết.

- Các khoản nợ chung: Không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngà chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Huy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Huy T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Huy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã VQ, huyện TT, thành phố HN vào ngày 21/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại: Tô 28 phường ĐC, quận HM, HN. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chị N đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận HM để giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị N đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không giải quyết được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Huy T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh T không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N. Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

2.2. Về con chung: 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 và cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Xét nguyện vọng trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị N có nguyện vọng nuôi con chung cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008, anh Nguyễn Huy T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006. Hội đồng xét xử. Nên hội đồng xét xử xem xét giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện thực tế. Nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con nên chị N tự nuôi cháu Nguyệt A, anh T tự nuôi cháu Toàn T1 và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị N. Cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy T.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Huy T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 và cháu Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008.

Giao con chung Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/12/2008 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Toàn T1, sinh ngày 02/7/2006 cho anh Nguyễn Huy T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị N tự nuôi cháu Nguyễn Nguyệt A, anh Nguyễn Huy T tự nuôi cháu Nguyễn Huy Toàn T1 và không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Huy T được quyền đi lại chăm sóc cháu Nguyễn Nguyệt A, chị Trịnh Thị N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc cháu Nguyễn Huy Toàn T1 không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trịnh Thị N đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0050859 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Chị Trịnh Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Huy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung